TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng; bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tuyền T, sinh năm 2001; nơi cư trú: số nhà A, tổ G, ấp M, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn:* Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1991; nơi cư trú: số C, tổ A, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/8/2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị Tuyền T trình bày*:

Bà và ông Hồ Thanh H tự tìm hiểu, quen biết nhau sau đó tổ chức lễ cưới chung sống với nhau từ năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang. Thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, từ tháng 10 năm 2023 cả hai đã sống ly thân cho đến nay. Thấy rằng tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: bà T và ông H có 02 con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 01/9/2021 và Hồ Thanh P, sinh ngày 05/8/2023. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà:* Bị đơn ông Hồ Thanh H thống nhất với ý kiến trình bày của bà T về điều kiện đi đến hôn nhân. Tuy nhiên, ông cho rằng việc vợ chồng cãi vã là có nhiều nguyên nhân, do bà T không chào hỏi chị chồng dẫn đến cãi vã. Sau khi bà T bỏ đi thì 02 con chung do ông nuôi dưỡng, hơn nữa hiện nay 02 con còn rất nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 01/9/2021 và Hồ Thanh P, sinh ngày 05/8/2023. Nêu vợ, chồng ly hôn thì ông yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông H có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 10 năm 2023 đến nay, trong suốt thời gian dài cả hai không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 01/9/2021 và Hồ Thanh P, sinh ngày 05/8/2023. Xét thấy, bà T1 và ông H đều có yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, xét tại thời điểm xét xử 02 con chung đều dưới 36 tháng tuổi, giữa bà T và ông H không thoả thuận được việc nuôi con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Hồ Thanh H; bị đơn có nơi cư trú tại ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS).

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Trần Thị Tuyền T và ông Hồ Thanh H có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2020 ngày 20/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2023 cho đến nay. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 01/9/2021 và Hồ Thanh P, sinh ngày 05/8/2023. Các bên đều tranh chấp về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: *"1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả*

năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan; 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con; 3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."

Xét thấy, bà T đang có công việc ổn định, có đủ điều kiện và đảm bảo việc nuôi dưỡng 02 con chung, hơn nữa các cháu Hồ Thanh L, sinh ngày 01/9/2021 và Hồ Thanh P, sinh ngày 05/8/2023 đều dưới ba mươi sáu tháng tuổi, phải được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà T. Do đó, việc ông H tranh chấp yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là không có căn cứ.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết, bà Trần Thị Tuyền T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyền T;

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Tuyền T được ly hôn ông Hồ Thanh H.

[2] Về nuôi con chung:

2.1. Giao (02) hai con chung tên Hồ Thanh L, sinh ngày 01/9/2021 và Hồ Thanh P, sinh ngày 05/8/2023 cho bà Trần Thị Tuyền T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Hồ Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Tuyền T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Hồ Thanh H quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: bà Trần Thị Tuyền T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010652 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, bà T đã nộp xong.

Ông Hồ Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Vĩnh Trung, tx.Tịnh Biên (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ